TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** TỈNH GIA LAI ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày 30-5-2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thưởng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Duy Hiền và bà Trần Thị Thúy Lợi.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:

Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018, về việc:*"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Công ty TNHH MTV T; địa chỉ: Đường N, phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; do bà C làm đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 27/8/2018 của Tổng giám đốc công ty. Có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà A, sinh năm 1980; địa chỉ: Đương H, phường G, thành phố T, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông B, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2018, bản tự khai đề ngày 30/8/2018 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà C, nội dung trình trình bày của nguyên đơn như sau:

Ngày 22/3/2017 Công ty TNHH MTV T có giao kết 01 *"Bộ Hợp đồng tín dụng"* bao gồm: Đề nghị cấp tín dụng số 100017448 ngày 22/3/2017; đăng ký vay mua xe Toyota; tập tài liệu về cấp tín dụng mua xe ô tô với bà A và ông B. Theo đó, bà A và ông B đề nghị Công ty TNHH MTV T "Đề nghị cấp tín dụng" cho khoản vay với số tiền: 780.000.000 đồng, với nội dung chính sau đây:

-Mục đích của khoản vay: Mua 01 xe ô tô Toyota Fortune, số khung: 8GS1H0511410, số máy: 2GDC155961, BKS: 81A-123.93. Đồng thời, chiếc xe ôtô này là tài sản được bên vay thế chấp tại bên cho vay trong suốt thời hạn vay để bảo đảm cho khoản vay nêu trên.

-Thời hạn vay: 60 tháng.

-Lãi suất vay: 0.5825%/tháng. Lãi suất này được điều chỉnh sau 6 tháng đầu, kể từ ngày giải ngân, sau đó được điều chỉnh 3 tháng một lần, căn cứ theo lãi suất cho vay của Công ty TNHH MTV T. Ngoài ra, nếu bên vay không thanh toán đúng hạn theo lịch thanh toán, phải chịu lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay theo từng thời kỳ.

Sau khi ký kết "Đề nghị cấp tín dụng" nêu trên, bà A và ông B chỉ thanh toán cho Công ty TNHH MTV T đến kỳ tháng 09/2017 được 78.000.000đồng tiền nợ gốc.

Từ đó đến nay bà Nguyễn Thị Hoàng Anh và ông Phạm Văn Nhân không thanh toán tiền gốc và lãi vay cho Công ty TNHH MTV T nữa, nên Công ty TNHH MTV T đã liên tục liên hệ nhắc nhở, gửi yêu cầu thanh toán số tiền phải trả cũng như yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm để Công ty xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, nhưng bà A và ông B cố tình trốn tránh và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền cho Công ty.

Vì vậy, Công ty TNHH MTV T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T buộc bà A và ông B phải liên đới thanh toán cho Công ty TNHH MTV T số tiền nợ gốc là 702.000.000 đồng và tiền lãi suất vay trong hạn và quá hạn theo thỏa thuận trong *"Bộ Hợp đồng tín dụng"* đã được 02 bên ký kết ngày 22/3/2017 đến khi bà A và ông B trả hết nợ.

Nếu bà A và ông B không thanh toán số tiền nợ nêu trên, thì Công ty TNHH MTV T có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà A và ông B tại Công ty TNHH MTV T là 01 xe ô tô Toyota Fortune, số khung: 8GS1H0511410, số máy: 2GDC155961, BKS: 81A-123.93 để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng của vụ án tại nơi cư trú của bà A và ông Ba; đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, như: Thông báo trên Báo nhân dân, trong 03 số: 23048, 23049, 23050 từ ngày 18 đến 20 tháng 11 năm 2018; và nhắn tin trên Đài tiếng nói Việt Nam, trong 03 ngày: 19, 20 và 21/11/2018, để triệu tập bà A và ông B đến tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân thành phố T. Nhưng bà A và ông B không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà C trình bày: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà A và ông B phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn là Công ty TNHH MTV T số tiền gốc là

702.000.000 đồng cộng với tiền lãi trong hạn là 105.942.424 đồng và tiền lãi quá hạn là 31.553.535 đồng tính từ ngày vay tiền là ngày 22 tháng 3 năm 2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tổng số tiền nợ gốc và lãi suất mà bà A và ông B phải liên đới trả cho Công ty TNHH MTV T là: 839.495.959 đồng. Nếu bà A và ông B không thanh toán số tiền nêu trên theo yêu cầu thì phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định của pháp luật. Đồng thời yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà A và ông B tại Công ty TNHH MTV T là 01 xe ô tô Toyota Fortune, số khung: 8GS1H0511410, số máy: 2GDC155961, BKS: 81A-123.93 để thu hồi nợ (hiện nay Công ty TNHH MTV T chỉ giữ giấy tờ gốc của xe ô tô; bà A và ông B đang sử dụng xe ô tô).

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*; bị đơn bà A có địa chỉ tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân thành phố T theo lãnh thổ và cấp xét xử.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp và tống đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà A và ông B phải liên đới trả cho Công ty TNHH MTV T số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2019 là: 839.495.959 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là bà A và ông B đã được Tòa án Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định tại các Điều: 179, 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà A và ông B đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] TFSVN làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà A và ông B phải liên đới thanh toán số tiền gốc và lãi, theo "Đề nghị cấp tín dụng". Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*, quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi cư trú của bị đơn là bà A có địa chỉ tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo lãnh

thổ và cấp xét xử quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Theo "Đề nghị cấp tín dụng", số 100017448 ngày 22/3/2017 và Tập tài liệu về Cấp tín dụng mua xe ô tô (gọi chung là *"Bộ Hợp đồng tín dụng"*), mà nguyên đơn cung cấp thì thấy: Vào ngày 22/3/2017, bà A và ông B đã vay của Công ty TNHH MTV T số tiền 780.000.000 đồng để mua xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng, hằng tháng trả nợ gốc 13.000.000 đồng, lãi 6 tháng đầu theo mức ưu đãi là 0,5825%tháng, sau đó được điều chỉnh 3 tháng 1 lần, căn cứ vào lãi suất cho vay của Công ty TNHH MTV T. Tháng 09/2017, bà A và ông B đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV T được 78.000.000 đồng tiền gốc. Từ đó đến nay, bà A và ông B không trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Công ty TNHH MTV T nữa.

Tại Điều 12 của Tập tài liệu về Cấp tín dụng mua xe ô tô kèm theo "Đề nghị cấp tín dụng" đã được bà A và ông B đọc, xác nhận và cam kết: *Nếu bạn (tức bên vay tiền) không thanh toán đúng hạn và đầy đủ bất cứ khoản phải trả nào hoặc vi phạm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của mình theo "Bộ Hợp đồng tín dụng" nêu trên thì khoản dư nợ chưa đến hạn và lãi phát sinh trên số dư nợ đó theo "Bộ Hợp đồng tín dụng" sẽ ngày lập tức đến hạn và sẽ được gộp chung với số tiền đã quá hạn trước đó, nếu có, thành khoản phải thanh toán ngày lập tức và bị tính lãi suất quá hạn cho đến khi được thanh toán hết*.

Như vậy, theo "Đề nghị cấp tín dụng", số 100017448 ngày 22/3/2017 nêu trên thì bà A và ông B chưa đến thời hạn thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc, nhưng do bà A và ông B không trả nợ tiền lãi và tiền gốc từ tháng 10 năm 2017 đến nay nên Công ty TNHH MTV T được quyền làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc bà A và ông B phải thanh toán toàn bộ khoản dư nợ chưa đến hạn và lãi phát sinh trên số dư nợ đó theo *"Bộ Hợp đồng tín dụng"* đã được 02 bên ký.

[5] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, như: Đăng tin trên Báo Nhân dân trong 03 ngày liên tiếp từ ngày 18 đến 20 tháng 11 năm 2018; nhắn tin trên Đài Tiếng nói Việt nam phát trong 03 ngày liên tiếp từ ngày 19 đến 21 tháng 11 năm 2018, và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng bà A và ông B đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, bà A và ông B đã cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền và từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án, theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm [4] và [5] nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định bà A và ông B còn nợ Công ty TNHH MTV T số tiền nợ gốc là 702.000.000 đồng và lãi suất vay từ ngày 22-3-2017 đến nay chưa trả và đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại các Điều: 278, 280 của Bộ luật Dân sự, cho nên yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV T là có cơ sở và được Tòa án chấp nhận, buộc bị đơn là bà A và ông B phải liên đới thanh toán cho Công ty TNHH MTV T số tiền gốc còn nợ là 702.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 22-3-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[6] Số tiền lãi trong hạn là 105.942.424 đồng và lãi quá hạn là: 31.553.535 đồng, tính từ vay tiền là ngày 22-3-2017 đến ngày ngày 30-5-2019 mà nguyên đơn yêu cầu là đúng với "Đề nghị cấp tín dụng" đã được 02 bên tự nguyện thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

Theo *"Đề nghị cấp tín dụng"*, số: 100017448 ngày 22/3/2017, thì 02 bên chỉ thỏa thuận mức lãi ưu đãi của 6 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, sau đó được điều chỉnh 3 tháng một lần nhưng không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Do vậy, Tòa án tuyên lãi chậm trả trong quyết định của bản án này theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Công ty TNHH MTV T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đăng tin và chi phí niêm yết công khai văn bản tố tụng nên không xem xét.

[8] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

-Áp dụng các Điều: 275, 278, 280, 288, 299, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH MTV T.

1. Buộc bà A và ông B phải liên đới thanh toán cho Công ty TNHH MTV T, số tiền: 839.495.959 (bằng chữ: Tám trăm ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi năm nghìn chín trăm năm mươi chín) đồng. Trong đó, tiền gốc là 702.000.000 đồng, tiền lãi là 137.495.959 đồng.

2. Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30-5-2019) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án là bà A và ông B còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp bà A và ông B không thanh toán số tiền nêu trên, thì Công ty TNHH MTV T có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà A và ông B tại Công ty TNHH MTV T là 01 xe ô tô Toyota Fortune, số khung: 8GS1H0511410, số máy: 2GDC155961, BKS: 81A-123.93 để thu hồi nợ (hiện nay Công ty TNHH MTV T chỉ giữ giấy tờ gốc của xe ô tô; bà A và ông B đang sử dụng xe ô tô nêu trên).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà A và ông B phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 37.184.878 (bằng chữ: Ba mươi bảy triệu một trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm bảy mươi tám) đồng.

Công ty TNHH MTV T không phải chị án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho Công ty TNHH MTV T số tiền 17.360.000đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0004025 ngày 30-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Công ty TNHH MTV T được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30-5-2019). Bà A và ông B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết hợp lệ.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
-VKSND thành phố T;
-Chi cục THADS TP.T;
-Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thưởng